

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 16/2020/DS-ST

Ngày: 03/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Hồ Quang Hiễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung, chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS, ngày 31/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th: Ông Dương Văn Nh, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Ph, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1968. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2. Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1955. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Ngh, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2020 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 18/02/2020), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, ông Dương Văn Nh trình bày:

Vào năm 2018 bà Nguyễn Thị Th làm chủ dây hụi trong đó có bà Nguyễn Thị L tham gia, do bà L đã nhận tiền nhưng không đóng lại nên ngày 21/6/2019 bà Th và bà L đã tính toán với nhau, theo đó bà L nợ của bà Th số tiền chơi hụi chưa đóng là 72.000.000 đồng. Bà Th yêu cầu bà L ký tên trong giấy viết bằng bút mực màu xanh đề ngày 21/6/2019 có nội dung bà Nguyễn Thị L nợ biêu của bà Nguyễn Thị Th số tiền 72.000.000 đồng, bà L trả trước 10.000.000 đồng còn nợ lại 62.000.000 đồng, bà L đóng cho bà Th số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 21 hàng tháng. Bên dưới có chữ ký, viết tên của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Th.

Tính đến thời điểm này bà L chưa thanh toán cho bà Th số tiền nào từ số nợ 62.000.000 đồng, vì vậy bà Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, buộc bà L phải thanh toán một lần số tiền đã ký nhận ngày 21/6/2019 là 62.000.000 đồng, bà Th không yêu cầu tiền lãi.

Đối với ông Nguyễn Văn U không liên quan đến việc bà L và bà Th tham gia biêu hụi với nhau vì vậy bà Th chỉ yêu cầu bà L có nghĩa vụ thanh toán mà không yêu cầu ông U có trách nhiệm liên đới với bà L.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào năm 2018 (bà L không nhớ thời gian cụ thể), bà L có tham gia 02 dây hụi do bà Th làm chủ, 01 dây bà L tham gia 01 chân, số tiền thỏa thuận là 3.000.000 đồng, nếu ai không hót thì hàng tháng đóng số tiền 2.200.000 đồng, ai mà hót thì hàng tháng đóng lại số tiền 3.000.000 đồng, số tiền chênh lệch 800.000 đồng là tiền lãi mà người không hót được nhận. Bà L tham gia được vài tháng thì hót, sau đó hàng tháng đóng lại số 3.000.000 đồng, đến năm 2019 còn lại khoảng 06 tháng thì không đóng tiếp được do kinh tế khó khăn và còn nợ lại của bà Th. Việc đóng hụi hàng tháng bà Th có sổ sách ghi lại.

Ngoài ra bà L còn tham gia 02 chân của dây hụi với số tiền 2.000.000 đồng. Nếu ai không hót thì hàng tháng đóng số tiền 1.400.000 đồng, số tiền chênh lệch 600.000 đồng là tiền lãi mà ai không hót được nhận. Bà L đã hót 01 chân và hàng tháng đóng lại số tiền 2.000.000 đồng. Chân còn lại thì bà với bà Th và bà Hồ Thị Th có thỏa thuận với nhau với nội dung: Bà Th giao cho bà Th số tiền 34.600.000 đồng (tức là 24 người chơi x 1.400.000 đồng/tháng = 34.600.000 đồng), bà Th giao cho bà L số tiền 34.600.000 đồng, tôi có trách nhiệm hàng tháng đóng lại số tiền 2.000.000 đồng. Bà Th nhận tháng cuối sẽ được bà Th thanh toán số tiền 48.000.000 đồng.

Do hàng tháng bà L không đóng tiền được cho bà Th nên bà Th cho người đến nhà bà L quây phá, ngày 21/6/2019, bà L có ký nhận trong giấy viết tay với nội dung nợ tiền bưu hụi của bà Th với số tiền 72.000.000 đồng, bà L đã thanh toán số tiền 10.000.000 đồng còn nợ lại 62.000.000 đồng, bà L hẹn hàng tháng sẽ thanh toán cho bà Th số tiền 3.000.000 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà L không có tiền để thanh toán cho bà Th.

Tại phiên tòa bà L công nhận và đồng ý thanh toán cho bà Th số tiền bà L đã ký nhận trong giấy viết tay ngày 21/6/2019 là 62.000.000 đồng, nhưng do hiện nay bà L đang khó khăn nên số tiền trên bà L xin được trả dần.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Th trình bày:

Vào năm 2018 (bà Th không nhớ thời gian cụ thể), bà Th có tham gia 03 chân của dây hụi với số tiền 2.000.000 đồng. Nếu ai không hót thì hàng tháng đóng số tiền 1.400.000 đồng, số tiền chênh lệch 600.000 đồng là tiền lãi mà ai không hót được nhận. Bà Th đã hót 03 chân mà bà Th tham gia, bà Th còn nợ lại 05 tháng chưa đóng hụi chết trong 03 chân đã hót. Ngoài ra giữa bà Th với bà Th và bà L có thỏa thuận với nhau với nội dung: Bà Th giao cho bà Th số tiền 34.600.000 đồng (tức là 26 người chơi x 1.400.000 đồng/tháng = 36.400.000 đồng), bà Th giao cho bà L bao nhiêu tiền bà không biết, bà L có trách nhiệm hàng tháng đóng lại số tiền 2.000.000 đồng. Bà Th nhận tháng cuối sẽ được bà Th thanh toán số tiền 52.000.000 đồng (tức là 26 người x 2.000.000 đồng/người/tháng = 52.000.000 đồng). Việc thỏa thuận 03 người chỉ nói miệng với nhau không có giấy tờ gì.

Bà Th có cung cấp cho Tòa án giấy viết tay bằng bút mực màu xanh có phần nội dung ghi “chị th đã đóng 6 tháng biếu nợ 5 tháng. Mỗi tháng phải nộp 5 triệu rưỡi bằng chữ năn rưỡi” thể hiện bà Th đã hót 03 chân hụi mà bà Th thực tế tham gia, đã đóng được 06 tháng, còn nợ lại 05 tháng; Phần nội dung “một chân L H còn Sống” là thể hiện phần thỏa thuận giữa bà Th với bà Th và bà L.

Quá trình giải quyết vụ án bà Th tự thỏa thuận với bà Th, bà không có yêu cầu độc lập, tại phiên tòa bà được triệu tập họp lệ 02 lần nhưng vắng mặt.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn U trình bày:

Việc bà L tham gia hụi với bà Th và nợ tiền hụi của bà Th ông U không biết, đây là giao dịch riêng giữa bà L với bà Th, bà L tham gia biếu, hụi không tạo ra thu nhập cho ra đình mà thực hiện từ tài sản riêng của bà L, nên bà L có nghĩa vụ và tự chịu trách nhiệm đối với bà Th, ông U không có trách nhiệm liên đới cùng với bà L trả nợ cho bà Th.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th số tiền mà bà L đã ký nhận ngày 21/6/2019 là 62.000.000 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện bà Nguyễn Thị L phải thanh toán số tiền nợ gốc thể hiện trong giấy nợ biên ngày 21/6/2019. Xuất phát từ quan hệ họ, hội, biên phường giữa bà Th và bà L, do vi phạm nghĩa vụ nộp biên nên bà Th mới yêu cầu bà L ký giấy nhận nợ biên vào ngày 21/6/2019. Vì vậy đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng góp hội”. Bà Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Th, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Tòa án tổng đạt hợp lệ hai lần cho bà Hồ Thị Th nhưng bà Th vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Th.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Việc các bên tham gia biên, hội được thể hiện qua lời trình bày của các bên, cụ thể vào năm 2018, bà L có tham gia 02 dây hội do bà Th làm chủ, 01 dây bà L tham gia 01 chân, số tiền thỏa thuận là 3.000.000 đồng, nếu ai không hót thì hàng tháng đóng số tiền 2.200.000 đồng, ai mà hót thì hàng tháng đóng lại số tiền 3.000.000 đồng, số tiền chênh lệch 800.000 đồng là tiền lãi mà người không hót được nhận. Bà L tham gia được vài tháng thì hót, sau đó hàng tháng đóng lại số 3.000.000 đồng, đến năm 2019 còn lại khoảng 06 tháng thì không đóng tiếp được do kinh tế khó khăn và còn nợ lại của bà Th. Việc đóng hội hàng tháng bà Th có sổ sách ghi lại.

Ngoài ra bà L còn tham gia 02 chân của dây hội với số tiền 2.000.000 đồng. Nếu ai không hót thì hàng tháng đóng số tiền 1.400.000 đồng, số tiền chênh lệch 600.000 đồng là tiền lãi mà ai không hót được nhận. Bà L đã hót 01 chân và hàng tháng đóng lại số tiền 2.000.000 đồng. Chân còn lại thì bà với bà Th và bà Hồ Thị Th có thỏa thuận với nhau với nội dung: Bà Th giao cho bà Th số tiền 34.600.000 đồng (tức là 24 người chơi x 1.400.000 đồng/tháng = 34.600.000 đồng), bà Th giao cho bà L số tiền 34.600.000 đồng, tôi có trách nhiệm hàng tháng đóng lại số tiền 2.000.000 đồng. Bà Th nhận tháng cuối sẽ được bà Th thanh toán số tiền 48.000.000 đồng.

Do hàng tháng bà L không đóng tiền được cho bà Th nên ngày 21/6/2019, bà L có ký nhận trong giấy viết tay với nội dung nợ tiền bui hội của bà Th với số tiền

72.000.000 đồng, bà L đã thanh toán số tiền 10.000.000 đồng còn nợ lại 62.000.000 đồng, bà L hẹn hàng tháng sẽ thanh toán cho bà Th số tiền 3.000.000 đồng.

Khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“1. Họ, hội, biểu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên.”

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.”

Như vậy lời trình bày của bà L phù hợp với lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, phù hợp với chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp là giấy viết bằng bút mực màu xanh đề ngày 21/6/2019 có nội dung bà Nguyễn Thị L nợ biểu của bà Nguyễn Thị Th số tiền 72.000.000 đồng, bà L trả trước 10.000.000 đồng còn nợ lại 62.000.000 đồng, bà L đóng cho bà Th số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 21 hàng tháng. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, vì vậy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ chồng:

“3. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình.”

Quá trình giải quyết vụ án, bà L là người trực tiếp tham gia biểu, hội với bà Th, bà L không nói cho ông U biết, ông U cũng không biết và cho rằng đây là giao dịch riêng giữa bà L với bà Th, bà L tham gia biểu, hội không tạo ra thu nhập cho gia đình mà thực hiện từ tài sản riêng của bà L, nên bà L có nghĩa vụ và tự chịu trách nhiệm đối với bà Th, ông U không có trách nhiệm liên đới cùng với bà L trả nợ cho bà Th. Nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà Th mà không yêu cầu ông U có trách nhiệm liên đới cùng với bà L trả nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là nghĩa vụ của mình bà L đối với bà Th, ông U không có nghĩa vụ liên đới với bà L thanh toán nợ cho bà Th.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày khi bà L tham gia 02 chân của dây hội với số tiền 2.000.000 đồng. Trong đó có 01 chân được bà L, bà Th và bà Hồ Thị Th có thỏa thuận với nhau với nội dung: Bà Th giao cho bà Th số tiền 34.600.000 đồng (tức là 24 người chơi x 1.400.000 đồng/tháng = 34.600.000 đồng), bà Th giao cho tôi số tiền 34.600.000 đồng, tôi có trách nhiệm hàng tháng đóng lại số tiền 2.000.000 đồng. Bà Th nhận tháng cuối sẽ được bà Th thanh toán số tiền 48.000.000 đồng.

Bà Th đã được giải thích về quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nhưng bà Th không có yêu cầu độc lập, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với nội dung này. Trường hợp các bên đương sự có tranh chấp và khởi kiện thì được giải quyết bằng vụ án độc lập.

[5] Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th được chấp nhận vì vậy bà L phải nộp số tiền 3.100.000 đồng ($62.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.100.000 \text{ đồng}$) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Thu đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, theo biên lai số 0002378, ngày 18/02/2020.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147; Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 62.000.000 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, theo biên lai số 0002378, ngày 18/02/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CC THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tím